**MÔN: TIẾNG VIỆT ( Tuần 10) Lớp 2…..**

# CHỦ ĐIỂM 5: NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ

# BÀI 1: CÔ CHỦ KHÔNG BIẾT QUÝ TÌNH BẠN Số tiết: 91 - 92

# *Thời gian thực hiện: Ngày ………… tháng..… năm……..*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**-** Chia sẻ được với bạn về một con vật nuôi; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung câu chuyện qua tên bài đọc và tranh minh họa.

**-** Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Ai cũng cần phải biết quý trọng, giữ gìn tình bạn; biết liên hệ bản thân: cần biết quý trọng bạn bè, giữ gìn tình bạn; giải được câu đố, tìm thêm được câu đố về vật nuôi/đồ vật trong nhà; nói được 1-2 câu về con vật.

**-**Viết đúng chữ I hoa và câu ứng dụng.

**-** Vẽ được con vật nuôi mà mình thích và nói được 1-2 câu về bức vẽ của mình.

**Năng lực**

- **Năng lực chung:**

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- **Năng lực riêng:** Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự việc trong đời sống xã hội).

**Phẩm chất**

- Bồi dưỡng cho HS tình cảm thương yêu, quý mến bạn bè, lòng tri ân người khác: biết quý trọng tình bạn, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè

- Biết giữ gìn những đồ vật gần gũi, quen thuộc ở xung quanh mình; biết ơn những người đã vất vả, khó nhọc làm ra những vật dụng cần thiết cho học tập, sinh hoạt, vui chơi,… của các em.

**II. Đồ dùng dạy học**

-GV : Laptop; SGK, tranh chủ đề ( nếu có), bảng phụ ghi câu văn dài, video,…

-HS : SGK, VBT, vở,…

**III. Hoạt động dạy chủ yếu:**

**TIẾT 91 + 92**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**- GV giới thiệu tên chủ điểm: Những người bạn nhỏ. Các bài học trong Chủ điểm 5 - Những người bạn nhỏ hướng đến việc bồi dưỡng cho các em tình cảm yêu thương, quý mến bạn bè, lòng tri ân người khác. Giúp các em nhận thức, biết quý trọng tình bạn, đoàn kết giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn những đồ vật gần gũi, quen thuộc ở xung quanh mình; biết ơn những người đã vất vả, khó nhọc làm ra những vật dụng cần thiết cho việc học tập, sinh hoạt, vui chơi,...của các em. + *GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Chia sẻ với bạn về một vật nuôi em biết theo gợi ý. *+ GV dẫn dắt vào bài học:* Ở nhà, các em có nuôi con vật nào không? Các em có thường tự mình chăm sóc chúng hoặc chơi cùng chúng, coi chúng như một người bạn không? Ngày hôm nay các em sẽ được đọc một câu chuyện về một bạn nhỏ không biết quý trọng tình bạn, có mới nới cũ, chính vì vậy, các con vật đã không còn muốn kết thân với cô bé. Chúng ta cùng tìm hiểu câu chuyện trong Bài 1: Cô chủ không biết quý tình bạn. - GV ghi tựa bài.  | **\*BHT điều khiển:**- Hát- HS lắng nghe.**\* Cá nhân:** HS nêu đặc điểm. lợi ích con vật em yêu thích.**\* Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp – HS tự nhận xét, đánh giá bạn.**\*Dự kiến:** - Vật nuôi: con mèo- Đặc điểm:+ Có bộ lông màu vàng, trắng hoặc đen.+ Có đôi mắt sáng và cái đuôi nghoe nguẩy.- Ích lợi: bắt chuột.- Học sinh lắng nghe.-HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập****2.1. Luyện đọc thành tiếng** **\*Hướng dẫn đọc từ khó:**- Yêu cầu HS mở SGK.- GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Trong bức tranh có những ai, họ đang làm gì? **-** GV đọc mẫu toàn bài:+ Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thong thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự đổi bạn liên tục của cô chủ; giọng cô chủ vô tâm, kênh kiệu; giọng gà trống vui vẻ; giọng chú cho mạnh mẽ, dứt khoát. + Ngắt nghỉ hơi đúng. Dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn.**\* Giao việc**: Yêu cầu HS đọc bài và tìm từ khó đọc.-Yêu cầu HS nêu từ khó gv chốt từ trọng tâm và ghi bảng: *quên, trứng, sông* -HD hs luyện đọc nói rõ cách phát âm **\*GV chia đoạn :**- GV hướng dẫn HS chia 3 đoạn.- GV hướng dẫn ngắt nhịp câu dài.**\*HD đọc đoạn trong nhóm**- GV yêu cầu học sinh đọc nối tiếp đoạn trong nhóm.**-** Đọc đoạn trong nhóm đánh giá nhận xét theo tiêu chí sau**:** Đọc đúng, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.-Yêu cầu hs đọc nối tiếp đoạn trước lớp và giải nghĩa từ.**Tiêu chí nhận xét:**- Đọc đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, tốc độ đọc phù hợp.- GV nhận xét, tuyên dương.**\*HD đọc đoạn trong nhóm lần 2**-GV yêu cầu học sinh đọc nối tiếp đoạn trong nhóm.**-** Đọc đoạn trong nhóm đánh giá nhận xét theo tiêu chí sau**:** Đọc đúng, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.- Tổ chức HS đọc nối tiếp lần 2.- GV nhận xét, tuyên dương.- Yêu cầu đọc toàn bài.- GV nhận xét. | - HS trả lời: Trong bức tranh có một bạn nhỏ cầm con gà trống, và một chị gái cầm con gái mái. - HS chú ý lắng nghe, đọc thầm theo. **\* Cá nhân:** HS đọc bài. Tìm từ khó của bài - HS nêu cá từ khó đọc.-HS luyện đọc từ khó-HS đánh dấu vào SGK + Đoạn 1: từ đầu đến “quả trứng hồng+ Đoạn 2: tiếp theo đến “đổi vịt lấy chó”.+ Đoạn 3: phần còn lại. - HS luyện đọc câu dài.*Một hôm/nhìn thấy gà mái của bà hàng xóm/ có lớp lông tơ dày,/ấm áp,/cô bé/liền đòi đổi gà trống/lấy gà mái.//Chẳng ngày nào/gà mái/quên đẻ một quả trứng hồng.* **\* Nhóm 3:** HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm. Sửa lỗi đọc sai cho bạn. **\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.- Mời đại diện các nhóm báo cáo.-1 nhóm HS đọc tiếp trước lớp-HS nhận xét cách đọc của nhóm bạn - 3 em đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp và giải nghĩa từ.- HS giải nghĩa từ.+ Tí hon: rất bé+ Nài nỉ: nài xin rất tha thiết.+ Kể lể: kể một cách tỉ mỉ, dài dòng để mong có sự cảm thông.+ Kết thân: gắn bó, thân thiết với nhau. **\* Nhóm 3:** HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 3. Sửa lỗi đọc sai cho bạn. **\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.- Mời đại diện các nhóm báo cáo.-1 nhóm HS đọc tiếp trước lớp-HS nhận xét cách đọc của nhóm bạn - HS lắng nghe.-1 em đọc toàn bài. Lớp theo dõi. |

|  |
| --- |
|  **TIẾT 92** |
| **2.2. Luyện đọc hiểu** - GV yêu cầu HS đọc toàn bài để trả lời các câu hỏi.- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4.- GV tổ chức HS chia sẻ trước lớp.- GV yêu cầu HS nêu nội dung bài học?-Em hãy liên hệ bản thân sau khi đọc xong bài. + GV nhận xét, khen ngợi HS.  | **\* Cá nhân:** -Việc 1: Học sinh đọc lại bài.-Việc 2: Đọc các câu hỏi.-Việc 3: Trả lời các câu hỏi bằng cách gạch trong sách hoặc viết câu trả lời ra giấy nháp.**\* Nhóm 4**:- Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi.- Mời các bạn trong nhóm trả lời.- Mời bạn nhận xét, sửa sai cho bạn.- Chốt câu hỏi đúng.**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.- Mời đại diện các nhóm báo cáo.- Nêu từng câu hỏi, mời các bạn trả lời:Câu 1: Lúc đầu cô bé nuôi con gì? - HS trả lời: Lúc đầu cô bé nuôi một con gà trống rất đẹp. Câu 2: Kể tên các con vật mà cô bé đã đổi?- HS trả lời: Các con vật mà cô bé đã đổi: con gà trống, con gà mái, con vịt, con chó. Câu 3: Vì sao chú chó bỏ đi?- HS trả lời: Chú chó bỏ đi vì chú chó không muốn kết thân với một cô chủ không biết quý tình bạn. Câu 4: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?- HS trả lời: Câu chuyện giúp em hiểu rằng:+ Không nên trao đổi những con vật là thú cưng mình đã từng nuôi với người khác chỉ vì sự yêu thích nhất thời của mình.+ Phải biết trân trọng, quý trọng giữ gìn tình bạn.- HS lắng nghe. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Luyện đọc lại** - GV xác định lại một lần nữa giọng đọc của từng nhân vật trong câu chuyện Cô chủ không biết quý tình bạn. - GV đọc lại đoạn từ “Không lâu sau” đến hết.- GV yêu cầu HS luyện đọc đoạn từ “Không lâu sau” đến hết- GV mời 1 HS khá, giỏi đọc toàn bài. **\*Thi đọc trước lớp:** - Nói tiêu chí cho hs bình chọn:-Đọc đúng, rành mạch, ngắt nghỉ hơi đúng. -GV nhận xét chung phần đọc thi đọc và tuyên dương nhóm đọc tốt.- GV gọi HS đọc toàn bài.. -Chuyển ý sang HĐ tiếp theo | - Giọng đọc của từng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thong thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự đổi bạn liên tục của cô chủ; giọng cô chủ vô tâm, kênh kiệu; giọng gà trống vui vẻ; giọng chú cho mạnh mẽ, dứt khoát. - HS lắng nghe, đọc thầm theo. **\* Nhóm 2:** HS luyện đọc trong nhóm và sửa lỗi đọc sai cho bạn. - HS đọc bài, các HS khác đọc thầm theo. **\*Toàn lớp:** - 3 nhóm đoạn yêu thích- Đại diện các nhóm đọc- Lớp nhận xét theo tiêu chí.- Lớp nhận xét bình chọn bạn đọc - HS lắng nghe.- HS đọc bài - Lớp theo dõi. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Vận dụng, trải nghiệm** - GV mời 1HS đứng dậy đọc yêu cầu phần Những người bạn nhỏ SHS trang 83:- GV hướng dẫn HS: + HS dựa vào một số đặc điểm của con vật nuôi trong nhà như: đuôi ngắn, tai dài, mắt hồng, lông mượt; mắt trong veo, nằm sưởi ấm, trèo cây cau để giải đố. - GV mời đại diện 3-4 HS trả lời câu hỏi.- GV nhận xét, khen ngợi HS giải đố nhanh; đặt được- GV yêu cầu HS viết 1-2 câu về con vật em tìm được ở lời giải đố vào vở bài tập. - GV cho HS giải thêm một số câu đố về các con vật, đồ vật:+ Thường nằm đầu hè/Giữ nhà cho chủ/Người lạ nó sủa/Người quen nó mừng (là con gì?)+ Cái gì sừng sững/Đứng ở góc nhà/Bé mở cửa ra/Lấy quần áo đep? (là cái gì?)- GV khuyến khích, động viên HS phát biểu, trả lời câu hỏi.- GV khen ngợi HS tìm được câu trả lời nhanh, chính xác. - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Con về đọc lại bài cho người thân nghe và chuẩn bị bài Cánh đồng của bố. - GV nhận xét tiết học. | - HS xác định yêu cầu. - HS lắng nghe.**\*Cá nhân**: HS viết 1-2 câu về con vật em tìm được.**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.- HS chia sẻ trước lớp.- Nhóm khác nhận xét bổ sung nếu thiếu **\*Dự kiến:** + Con thỏ: Nhà em có nuôi một chú thỏ trắng rất xinh.+ Con mèo: Con mèo nhà em rất thích nằm sưởi ấm giữa sân nhà. - HS lắng nghe.-HS nêu ý kiến.- Phải biết trân trọng, quý trọng giữ gìn tình bạn.- HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

|  |
| --- |
| **TIẾT 93** **Chữ hoa I** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**- Cho hs vận động theo nhạc.- GV giới trực tiếp vào bài Cô chủ nhà tí hon (tiết 3).- Giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**- Lớp hát - Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa. |
| **Hoạt động 2 : Luyện viết chữ hoa** I**2.1.Luyện viết chữ** I **hoa**- GV giới thiệu mẫu chữ viết I hoa: Độ cao: 2,5 li. - GV yêu cầu HS quan sát và nhận xét mẫu chữ viết C và trả lời câu hỏi.C:\Users\HP\Downloads\mau-chu-cao-2.5-o-ly-51-724x1024.jpg- Chữ hoa I có độ cao, độ rộng bao nhiêu li ? Có mấy nét ? Nêu cấu tạo chữ I**?**- GV viết mẫu lên bảng.- GV nx chốt về cấu tạo chữ hoa I**.**- Cho hs nêu quy trình viết.- Gọi hs trình bày, gv nhận xét.- GV viết mẫu lên bảng kết hợp lời giảng.- GV yêu cầu HS viết chữ I hoa vào bảng con. -GV nhận xét uốn nắn cho HS cách viết các nét..- Nhắc lại yêu cầu trước khi viết, tư thế ngồi cách cầm bút .. - GV yêu cầu HS tập viết chữ I hoa vào vở Tập viết.1. **2. Luyện viết câu ứng dụng**

- GV giới thiệu câu ứng dụng: Im lặng lắng nghe.- GV yêu cầu 1 HS đứng dậy đọc to câu trong phần Viết ứng dụng: Im lặng lắng nghe.- Em hãy cho biết nghĩa của câu Im lặng lắng nghe.- Giải nghĩa: Im lặng lắng nghe là "Lắng nghe một cách chủ động sẽ giúp bạn có một kho tàng những ý kiến mới mẻ. - GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp: Im lặng lắng nghe.+ Viết chữ viết hoa I đầu câu.- GV yêu cầu HS viết câu ứng dụng Học vào vở Tập viết.-GV theo dõi giúp đỡ. | **-** HS quan sát mẫu chữ.**\*Cá nhân:** HS quan sát mẫu chữ và nêu cấu tạo chữ J hoa.+ Chữ viết hoa: G được viết với chiều cao 2, 5 ô li và rộng 2 hơn ô li. Cấu tạo: gồm nét cong trái và nét móc ngược trái.- HS lắng nghe.**\*Cá nhân:** HS nêu quy trình viết.- Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4 và bên phải ĐK dọc 2.- Không nhấc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái cách đều bên phải ĐKdọc 2 một li, khi chạm ĐK ngang 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút bên trái ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2.3 - HS lắng nghe.- HS viết vào bảng con. -HS viết bài vào vở- HS lắng nghe.- HS đọc câu ứng dụng.- Im lặng lắng nghe là "Lắng nghe một cách chủ động sẽ giúp bạn có một kho tàng những ý kiến mới mẻ. - HS lắng nghe.**\* Nhóm 2:** Trao đổi các con chữ trong câu ứng dụng.- Câu ứng dụng có mấy tiếng?- Trong câu ứng dụng, có chữ nào phải viết hoa?**\* Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:**- Có 4 tiếng.-Trao đổi trong nhóm 2- Có chữ Im phải viết hoa.- HS quan sát trên bảng lớp. - HS viết vào vở Tập viết. |
| **2.3. Luyện viết thêm**- GV giới thiệu câu ca dao. - Gọi HS đọc câu ca dao.- Giúp HS hiểu nghĩa câu ứng dụng: - GV giải thích cho HS nghĩa của câu thơ: hình ảnh con ngõ thân thuộc, giản dị vào buổi trưa hè. *Im lìm là cái ngõ trưa**Nắng rơi nhè nhẹ như vừa chạm hương*- GV yêu cầu HS viết câu ca dao vào vở Tập viết.  | - HS qan sát. **-** HS đọc câu ca dao.**\*Nhóm 4:** Trao đổi nghĩa câu ca dao**- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - nhận xét bổ sung, đánh giá.**\*Dự kiến:** Hình ảnh con ngõ thân thuộc, giản dị vào buổi trưa hè. - HS viết vào vở. |
| **2.4. Đánh giá bài viết**- GV cho HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.- GV nhận xét nhanh một số vở - GV yêu cầu HS sửa lại bài viết nếu chưa đúng.- GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp.  | - HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn trong nhóm - Lắng nghe. |

|  |
| --- |
| **TIẾT 94** **Từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm hỏi** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**- Cho hs vận động theo nhạc- Giáo viên nhận xét, tuyên dương.- GV giới trực tiếp vào bài Tóc xoăn và tóc thẳng (tiết 4).- Giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**- Lớp hát.- Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành** **Bài 3:** - Yêu cầu HS đọc đề bài.- Bài tập yêu cầu gì? - GV yêu cầu HS quan sát các đồ vật:- GV hướng dẫn HS: HS nêu màu của từng hình vẽ theo thứ tự màu chính nêu trước, màu phụ nêu sau, hoặc nêu theo màu của từng bộ phận.- Yêu cầu HS làm bài.- GV tổ chức HS thảo luận theo nhóm.- GV tổ chức HS chia sẻ kết quả trước lớp..- GV nhận xét, khen ngợi. - GV yêu cầu HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ đặc điểm ngoài bài tập. - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc đề bài.- HS nêu yêu cầu. **Tìm từ ngữ chỉ màu sắc từng bộ phận của mỗi đồ vật dưới đây.**- HS quan sát tranh.- HS lắng nghe.- **Cá nhân:** HS làm bài.- **Nhóm 4:** Hãy kể cho bạn bên cạnh nghe từ mình tìm được.**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.**-** HS lên chia sẻ KQ trước lớp – HS nhận xét bổ sung, đánh giá**\*Dự kiến:** + Con gấu: màu nâu, màu vàng, màu đỏ, màu đen, màu hồng+ Ô tô: màu vàng, màu đen, màu xanh nhạt.+ Con lật đật: màu đỏ, màu vàng, màu nâu, màu đen, màu hồng.+ Chong chóng: màu đỏ, màu xanh lá cây, màu xanh dương, màu vàng, màu tím.- HS trả lời:+ Xe đạp có thân xe – hồng, bánh xe – đen.+ Đèn học có thân – hồng, bóng đen – vàng. - HS lắng nghe. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4a:** - HS đọc đề và nêu yêu cầu bài tập.- GV hướng dẫn HS: + Câu hỏi là có mục đích nêu điều mình chưa rõ, chưa biết để người nghe trả lời, làm rõ. Ví dụ: Ai tặng bạn chiếc bút này. + Câu hỏi có dấu chấm hỏi ở cuối câu.- HS tìm câu hỏi trong các phương án được đưa ra.- GV tổ chức HS thảo luận theo nhóm.- GV tổ chức HS chia sẻ kết quả trước lớp.- Giải thích vì sao em lựa chọn phương án đó.  - GV nhận xét, khen ngợi HS đặt câu hay, sáng tạo.  | - Học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài. Câu nào dưới đây dùng để hỏi về con lật đật.- HS lắng nghe.**- Cá nhân:** HS làm bài.**- Nhóm 2:** Chia sẻ cho nhau nghe.**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.-HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:** -Câu dùng để hỏi về con lật đật là Con lật đật thế nào?+ Giải thích sự lựa chọn:-Câu có mục đích dùng để hỏi điều chưa biết về con lật đật-Câu có dấu chấm hỏi ở cuối câu. - HS lắng nghe.  |
| **Bài 4b:** - HS đọc đề và nêu yêu cầu bài tập.- GV hướng dẫn HS:+ Câu giới thiệu, câu kể là loại câu thường sử dụng từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động,... để miêu tả về sự vật và có dấu chấm kết thúc ở mỗi câu.+ Câu hỏi thường có những từ ngữ được dùng để hỏi như thế nào, gì, như thế nào,...và có dấu hỏi chấm ở cuối câu.- GV yêu cầu HS làm bài,- GV tổ chức HS chia sẻ kết quả trước lớp.- GV nhận xét, khen ngợi HS có cách viết hay, sáng tạo.  | - Học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.Chọn dấu câu phù hợp với mỗi ô trống.- HS lắng nghe.**- Cá nhân:** HS làm bài.**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.-HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**\*Dự kiến:**+ Chiếc xe hơi có màu gì?+ Chong chóng quay thế nào?+ Chiếc nơ ở cổ chú gấu bông rất xinh. - HS lắng nghe.  |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm****1: Vẽ một con vật nuôi mà em thích***-* GV hướng dẫn cho HS cách vẽ một con vật nuôi mà em thích.+ Xác định vật nuôi là con gì. Ví dụ: chó, mèo, gà, lợn, thỏ, vịt,...+ Nhận xét về hình dáng, màu sắc của các con vật gồm: đầu, mình, chân, đuôi. + Tiến hành các bước vẽ một con vật nuôi mà em thích:Vẽ phác họa.Vẽ các bộ phận, vẽ chi tiếtVẽ màu- GV yêu cầu HS vẽ tranh về một con vật nuôi mà em thích.- GV tổ chức HS chia sẻ kết quả trước lớp.- GV đánh giá, khen ngợi HS vẽ đẹp, sáng tạo, cách phối màu hợp lí. **2: Nói về bức vẽ của em**- GV hướng dẫn HS: + Nói về bức vẽ của em theo các gợi ý: .)Tên bức vẽ..)Bức tranh vẽ con gì, con vật đó em được nhìn thấy ở đâu..)Miêu tả hình dáng và màu sắc của bức vẽ..)Cảm nhận của em sau khi hoàn thành bức vẽ.+ Khi nói về bức vẽ, HS các em vừa trình bày, nói vừa kết hợp chỉ vào bức vẽ để cả lớp.- GV nhận xét tiết học- Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới. - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe.- **Cá nhân:** HS vẽ tranh về một con vật nuôi mà em thích.**\* Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp – HS nhận xét, đánh giá**\*Dự kiến:** - HS đứng dậy trình bày trước lớp tranh vẽ của mình-HS lắng nghe.https://i.vdoc.vn/data/image/2021/07/28/tieng-viet-lop-2-trang-82-83-84-bai-1-co-chu-khong-biet-quy-tinh-ban-4.jpg**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.-HS lên chia sẻ KQ trước lớp – HS nhận xét, đánh giá.- HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**MÔN: TIẾNG VIỆT Lớp 2…..**

# CHỦ ĐIỂM 5: NHỮNG NGƯỜI BẠN NHỎ

# BÀI 2: ĐỒNG HỒ BÁO THỨC Số tiết: 95 - 96

# *Thời gian thực hiện: Ngày …. tháng..… năm……..*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**-** Giới thiệu được một đồ vật trong nhà; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

**-** Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Các bộ phận chính của chiếc đồng hồ báo thức và công dụng của nó; biết liên hệ bản thân: giữ gìn, bảo vệ đồ dùng; học hành, làm việc đúng giờ.

**-** Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt c/k, ay/ây, ác/ất.

**-** Nói và đáp được lời xin lỗi, lời từ chối.

**-** Giới thiệu được đồ vật quen thuộc.

**-** Chia sẻ được một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật.

**-** Chia sẻ được cách giữ gìn đồ vật trong nhà.

**Năng lực**

- **Năng lực chung:**

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- **Năng lực đặc thù :** Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự việc trong đời sống xã hội).

**Phẩm chất**

- Bồi dưỡng cho HS tình cảm thương yêu, quý mến bạn bè, lòng tri ân người khác: biết quý trọng tình bạn, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè

- Biết giữ gìn những đồ vật gần gũi, quen thuộc ở xung quanh mình; biết ơn những người đã vất vả, khó nhọc làm ra những vật dụng cần thiết cho học tập, sinh hoạt, vui chơi,… của các em.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-GV : Laptop; SGK, tranh chủ đề ( nếu có), bảng phụ ghi câu văn dài, video,..

-HS : SGK, HS mang tới lớp ảnh chụp bản thân để tự giới thiệu, truyện đã đọc về trẻ em…

**III. Hoạt động dạy chủ yếu:**

 **TIẾT 95**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1 : Khởi động**- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.- GV dẫn dắt vào bài học: Trong mỗi một gia đình đều có rất nhiều những đồ vật có tên gọi, hình dáng và các công dụng cụ thể nhất định. Ví dụ như cái quạt được dùng để tạo gió, làm mát cho con người; bóng đèn được dùng để thắp sáng mỗi khi ánh sáng không đủ sáng để nhìn; hay những đồ vật rất nhỏ như cây kim, sợi chỉ cũng có những ích lợi riêng của mình, được dùng để may vá. Trong bài học ngày hôm nay, các em sẽ được tìm hiểu về một đồ vật mà mỗi khi nó reo lên những âm thanh reng...reng...reng, các em sẽ biết đã đến giờ mình phải thức dậy. Các em cũng đoán ra đó là đồ vật gì rồi đúng không nào? Chúng ta cùng vào Bài 2: Đồng hồ báo thức. - GV ghi tựa bài | **\*BHT điều khiển:**- Hát- **Cá nhân**: HS giới thiệu tên một đồ vật trong nhà theo gợi ý : Tên đồ vật, công dụng của đồ vật ?**- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\*Dự kiến:** - Tên: Quạt điện- Công dụng:+ Dùng để quạt mát mùa hè- HS lắng nghe.-HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập** **2.1.Luyện đọc thành tiếng** - Yêu cầu HS mở SGK.- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa bài đọc và trả lời câu hỏi: Nhìn bức tranh minh họa, em hãy miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thành của chiếc đồng hồ báo thức?**-** GV đọc mẫu toàn bài.+ Đọc rõ ràng, nhấn mạnh ở những từ ngữ nêu bật nội dung; câu kết thúc đọc với giọng thân mật, vui tươi.+ Ngắt nghỉ hơi đúng. Dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn.**\* Giao việc**: Yêu cầu HS đọc bài và tìm từ khó đọc.-Yêu cầu HS nêu từ khó gv chốt từ trọng tâm và ghi bảng: *hối hả, xoay, điều chỉnh, trong suốt* -HD hs luyện đọc nói rõ cách phát âm.**\*Luyện đọc đoạn**- GV hướng dẫn HS chia 2 đoạn:-GV hướng dẫn đọc câu dài.**\*HD đọc đoạn trong nhóm**-GV nhận xét - GV yêu cầu học sinh đọc nối tiếp đoạn.**Tiêu chí nhận xét:**- Đọc đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, tốc độ đọc phù hợp.- Yêu cầu HS giải nghĩa một số từ khó: -GV nhận xét tuyên dương.-Yêu cầu đọc toàn bài.-Chuyển ý sang hđ tiếp theo | - HS trả lời: + Hình dáng: Hình tròn, có 2 quả chuông phía trên và 2 chiếc chân nhỏ giúp cho đồng hồ có thể đứng được.+ Có 2 chiếc kim chính: kim giờ màu đỏ, kim phút màu xanh.+ Âm thanh: kêu reng...reng...reng. -HS theo dõi và đọc thầm theo.**\* Cá nhân:** HS đọc bài. Tìm từ khó của bài - HS nêu cá từ khó đọc.-HS luyện đọc từ khó-HS đánh dấu vào SGK + Đoạn 1: từ đầu đến “điều chỉnh giờ báo thức”.+ Đoạn 2: đoạn còn lại. - HS luyện đọc câu dài. *Cái nút tròn/ bên thân tôi/ có thể xoay được/ để điều chỉnh giờ báo thức.// Gương mặt/ cũng chính là thân tôi.// Người ta/ thường chú ý những con số có khoảng cách đều nhau/ở trên đó.// Thân tôi/được bảo vệ/ bằng một tấm kính trong suốt,/ nhìn rõ/ từng chiếc kim/ đang chạy.* **\* Nhóm 4:** - Nhóm trưởng phân công cho bạn đọc tiếp nối đoạn trong nhóm 4.- Lắng nghe nhận xét bạn đọc theo tiêu chí .**\*Toàn lớp:** HS đọc nối tiếp đoạn, cả lớp theo dõi đọc thầm theo. HS nhận xét đánh giá bạn.- HS giải nghĩa một số từ khó: + Hối hả: rất vội vã. + Điều chỉnh: đặt lại, sửa cho đúng. -1 em đọc bài. Lớp theo dõi.- HS lắng nghe. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Luyện đọc hiểu** - GV yêu cầu HS đọc toàn bài để trả lời các câu hỏi.- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4.- GV tổ chức chia sẻ trước lớp.- Nội dung của bài học muốn nói lên điều gì?- Em học được gì qua bài học? | **\* Cá nhân:** -Việc 1: Học sinh đọc lại bài.-Việc 2: Đọc các câu hỏi.-Việc 3: Trả lời các câu hỏi bằng cách gạch trong sách hoặc viết câu trả lời ra giấy nháp.**\* Nhóm 4**:- Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi.- Mời các bạn trong nhóm trả lời.- Mời bạn nhận xét, sửa sai cho bạn.- Chốt câu hỏi đúng.**\* Toàn lớp:** Trưởng ban học tập điều khiển.- Mời đại diện các nhóm báo cáo.- Nêu từng câu hỏi, mời các bạn trả lời:**\* Dự kiến:**Câu 1: Bài đọc giới thiệu về loại đồng hồ nào? - HS trả lời: Bài đọc giới thiệu loại đồng hồ báo thức.Câu 2: Kể tên các loại kim của đồng hồ báo thức?- HS trả lời: Các loại kim của đồng hồ báo thức:+ Kim giờ màu đỏ, chạy chậm theo từng giờ.+ Kim phút màu xanh, chạy theo nhịp phút.+ Kim giây màu vàng, chạy theo từng giây lướt qua.+ Kim hẹn giờ. Câu 3: Đồng hồ báo thức giúp bạn nhỏ điều gì?- HS trả lời: Đồng hồ báo thức giúp bạn nhỏ thức dậy. Câu 4: Nếu có đồng hồ báo thức, em sẽ sử dụng thế nào?- HS trả lời: Nếu có đồng hồ báo thức, em sẽ sử dụng vào việc báo thức mỗi sáng sớm để đi học đúng giờ.- HS trả lời: Nội dung bài học nói về các bộ phận chính của chiếc đồng hồ báo thức và công dụng của nó.+ Liên hệ bản thân: giữ gìn, bảo vệ đồ dùng; học hành, làm việc đúng giờ.  |
| **2. 3. Luyện đọc lại** - GV yêu cầu HS nhắc lại giọng đọc của bài đọc.- GV đọc lại đoạn 1.- GV yêu cầu HS nêu nội dung của đoạn văn.- GV yêu cầu HS luyện đọc đoạn 1. - GV giao việc:- Yêu cầu HS đọc thi theo nhóm.-GV nhận xét chung phần đọc thi đọc.- GV mời 1 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài. Chuyển ý sang HĐ tiếp theo | - HS nhắc lại giọng đọc của bài đọc.- HS lắng nghe.- HS nêu - HS nhận xét.- HS lắng nghe.**\* Nhóm 2**: HS đọc đoạn trong nhóm cho nhau nghe, nhận xét bạn.**\* Toàn lớp:** Lớp trưởng tổ chức cho các bạn thi đọc trước lớp.- Mời các bạn nhận xét bạn đọc theo các tiêu chí.- Lớp nhận xét bình chọn bạn đọc hay.- Gọi 2 bạn đọc yêu cầu các bạn tự đánh giá phần đọc của mình.- HS đọc bài - HS nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**- Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Về đọc lại bài và TLCH cho người thân nghe và chuẩn bị bài sau. - GV nhận xét tiết học. | **-** Giữ gìn, bảo vệ đồ dùng; học hành, làm việc đúng giờ.**\* Toàn lớp:** Tự nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành kiến thức. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

 **TIẾT 96. Nghe - viết: Đồng hồ báo thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**-Cho hs vận động theo nhạc- Giáo viên nhận xét, tuyên dương.- GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**- Lớp hát.- Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Nghe - viết** - GV đọc bài viết.- GV yêu cầu1 HS đọc lại - Nêu nội dung của đoạn văn? **a. HD viết từ khó** **-** Yêu cầu hs tìm chữ khó mà bản thân hoặc bạn hay viết sai.- Gọi các nhóm báo cáo - GV chốt các từ trọng tâm và hướng dẫn HS phân biệt chính tả: *kiểu dáng, chậm rãi, dáng, giờ**kiểu dáng**chậm rãi**giờ*- Đọc từ khó cho hs viết vào bảng con **b.HD nghe viết** - Đọc lại đoạn viết + Hướng dẫn cách trình bày- Bài viết có mấy câu?- Những chữ nào trong bài viết hoa?- Bài viết trình bày như thế nào?- Nhăc hs từ thế ngồi và cầm bút **c. Chấm chữa lỗi sai**- GV yêu cầu HS viết bài.-GV đọc cho HS soát bài -Yêu cầu HS báo lỗi sai GV sửa trên bảng.- Thu kiểm tra nhận xét một số vở- Nhận xét chung. | - HS lắng nghe, đọc thầm theo.- HS đọc bài. - HS trả lời: Nội dung của đoạn văn nói về chiếc đồng hồ báo thức có hình tròn và có 4 cái kim. **\* Nhóm 2:** Trao đổi nhóm tìm chữ khó viết.-Các nhóm báo cáo từ khó trong bài -Đại diện nhóm báo cáo-HS phân tích từng từ nói cách viết, tìm từ phân biệt chính tả - kiểu dáng: k + iểu + dấu hỏi; dáng: d + ang + dấu sắc.- *chậm rãi: ch + âm + dấu nặng; rãi: r + ai + dấu ngã**giờ*: gi + ơ + dấu huyền.- Nghe viết vào bảng con chữ khó - 1 HS đọc lại bài.**- Dự kiến câu trả lời**:- Bài viết có 6 câu.- Các chữ đầu bài, đầu đoạn, đầu câu viết hoa.- Đầu đoạn lùi vào 1 ô, cuối câu có dấu chấm.- HS lắng nghe.- HS nghe viết bài vào vở.-HS tự soát bài của mình bằng bút chì.-Đổi chéo vở trong nhóm 2.-Nhận xét đánh giá bài bạn.- HS sửa sai nếu có viết lại thành một dòng. |
| **Hoạt động 3 : Luyện tập – thực hành****Bài tập 2b****-** Cho HS nêu yêu cầu.- GV yêu HS quan sát tranh và đọc thầm từ ngữ dưới mỗi tranh. - GV hướng dẫn HS: + Lần lượt điền c hoặc k vào mỗi từ sao cho tìm được từ ngữ phù hợp.+ Đặt câu với mỗi từ ngữ vừa tìm được.- GV yêu cầu HS làm bài.- Cho hs chữa bài trên bảng phụ- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt kết quả đúng.  | - 1HS nêu yêu cầu bài tập - HS quan sát tranh.- HS lắng nghe.**\* Cá nhân: HS** làm bài vào VBT, 1 HS làm bảng phụ\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.**Dự kiến** + Kẻ khung: Bé kẻ khung để chuẩn bị vẽ tranh về đề tài tự do.+ Cắt giấy: Em cắt giấy gập những con hạc tặng bạn bè.+ Kí tên: Em kí tên mình vào bưu thiếp gửi cho bà ngoại. - HS lắng nghe. |
| **Bài tập 2c****-** Cho HS nêu yêu cầu.- GV hướng dẫn HS: Đọc từng từ ngữ trong ngoặc đơn và trong mỗi C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_13.png, chọn từ ngữ trong ngoặc đơn lần lượt điền vào mỗi C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_13.pngsao cho có từ ngữ phù hợp.- GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV yêu cầu HS giải nghĩa từ ngữ: máy cày, nổi bật, trưng bày, bất ngờ, hạng nhất. *(HS có thể giải nghĩa được hoặc không giải nghĩa được hết các từ, GV khuyến khích HS trả lời).*- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1HS nêu yêu cầu bài tập - HS lắng nghe.**\* Cá nhân: HS** làm bài vào VBT, 1 HS làm bảng phụ.**\*Nhóm 2:** Chia sẻ cho nhau nghe.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**Dự kiến**:+ đòn bẩy, thử bảy.+ bầy chim, trưng bày.+ máy cày, cầy hương.+ bậc cửa, nổi bật.+ gió bấc, bất ngờ.+ hạng nhất, nhấc chân. - HS trả lời: + Máy cày: đồ vật được chế tạo gồm nhiều bộ phận, dùng để cày ruộng.+ Nổi bật: nổi lên rất rõ giữa những cái khác, khiến người khác dễ dàng nhìn thấy được ngay.+ Bất ngờ: không ngờ tới, xảy ra ngoài dự tính.e+ Hạng nhất: xếp thứ nhất trong một cuộc thi, cuộc biểu diễn,...- HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 4: Vận dụng, trải nghiệm** - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Đánh giá tiết học.**\* Ứng dụng:** Về nhà luyện viết đúng, đẹp.- Chuẩnbị bài tiết sau.- Nhận xét tiết học. | - HS trả lời - HS khác nhận xét bổ sung.**\* Toàn lớp:** Tự nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành kiến thức.- HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 97 - Mở rộng vốn từ: Đồ vật**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**-Cho hs vận động theo nhạc- Giáo viên nhận xét, tuyên dương.- GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**- Lớp hát.- Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành** **Bài 3:** - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu.- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong bài tập.- GV yêu cầu HS tô màu vào tên các đồ vật vào tranh trong vở bài tập.- GV hướng dẫn HS: quan sát bức tranh sau khi đã tô màu.- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, tuyên dương. | -1 em đọc bài.- HS nêu yêu cầu. **Tìm từ ngữ gọi tên các đồ vật giấu trong tranh và xếp vào 2 nhóm**- HS quan sát tranh.- HS lắng nghe.- **Cá nhân**: HS tô được bức tranh có màu sắc phù hợp, dễ nhìn để tìm được các đồ vật giấu trong tranh. Tìm từ ngữ gọi tên đồ vật và xếp vào 2 nhóm (đồ dùng gia đình, đồ chơi).**- Nhóm 2:** Từng HS tìm từ ngữ gọi tên đồ vật và xếp vào 2 nhóm (đồ dùng gia đình, đồ chơi) và chia sẻ trong nhóm. Nhóm trưởng sẽ tổng hợp đáp án của các thành viên và ghi lại từ ngữ cần tìm.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**Dự kiến**: Từ ngữ gọi tên các đồ vật giấu trong tranh:a. Đồ dùng gia đình: ti vi, ly, lọ hoa, nồi, chậu hoa, đồng hồ. b. Đồ chơi: búp bê, rô bốt, xe đồ chơi, quả bóng. -HS lắng nghe. |
| **Bài 4a:**- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.- Yêu cầu HS làm bài.- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, chữa một số bài của HS. - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu.Đặt và trả lời câu hỏi về 1-2 đồ vật ở bài tập 3.- HS lắng nghe.- **Cá nhân**: + Xem lại các từ ngữ tìm được ở Bài tập 3, đặt 2 câu: 1 câu có chứa từ ngữ về đồ dùng gia đình, 1 câu có chứa từ ngữ về đồ chơi.+ HS viết câu trả lời về lợi ích, công dụng của đồ vật.- **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\*Dự kiến:** - Đồng hồ để làm gì?+ Đồng hồ để xem giờ giấc.-Búp bê để làm gì?+Búp bê để các bạn nhỏ chơi đồ chơi. - Tivi dùng để làm gì?+ Tivi dùng để xem tin tức, xem phim.- Nồi dùng để làm gì?+ Nồi dùng để nấu đồ ăn.- HS lắng nghe. |
| **Bài 4b:**- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS: HS viết câu có sử dụng dấu chấm hỏi (câu hỏi) theo gợi ý: + Câu có sử dụng từ ngữ gì, để làm gì, thế nào, như thế nào,...+ Kết thúc 1 câu có sử dụng dấu chấm hỏi. - Yêu cầu HS làm bài.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, chữa một số bài của HS. - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu.Viết 1-2 câu có sử dụng dấu chấm hỏi.- HS lắng nghe.- **Cá nhân**: H/s làm bài.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\*Dự kiến:** + Bố em làm nghề gì?+ Ti vi được dùng để làm gì? - Ai mua búp bê cho em?- Lọ hoa nhà em trông như thế nào?- HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**- Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Chuẩn bị bài mới.- GV nhận xét khen HS - Nhận xét tiết học. | - HS trả lời - HS nhận xét.- HS nghe và thực hiện.- HS lắng nghe. |
| **TIẾT 98** **Nói và đáp lời xin lỗi, lời từ chối** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động** -Cho hs vận động theo nhạc- Giáo viên nhận xét, tuyên dương.- GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**- Lớp hát.- Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa bài. |
| **Bài 5a: Nói và nghe**- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS: Để trả lời câu hỏi em sẽ nói gì khi gặp lại chú chó, các em trả lời các câu hỏi:+ Vì sao chú chó bỏ đi?+ Khi chú chó bỏ đi, cô chủ cảm thấy thế nào?- Yêu cầu HS làm bài.- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, khen ngợi HS có cách trả lời hay, phù hợp, sáng tạo. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:+ Khi nào ta cần nói lời xin lỗi?+ Khi nói lời xin lỗi, cần chú ý điều gì (giọng, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...).  | - HS nêu yêu cầu.Nếu là cô bé trong câu chuyện Cô chủ không biết quý tình bạn em sẽ nói gì khi gặp lại chú chó?- HS lắng nghe.- Chú chó bỏ đi vì chú chó không muốn kết thân với một cô chủ không biết quý tình bạn.- Khi chú chó bỏ đi, cô chủ cảm thấy buồn bã, hối hận vì đã không biết giữ gìn, quý trọng tình bạn.- **Cá nhân**: H/s đọc và suy câu trả lời.**- Nhóm 2:** HS chia sẻ trong nhóm.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\* Dự kiến:** - HS trả lời: Ta rất buồn và hối hận về hành động và tính cách không biết quý trọng tình bạn của mình, ta xin lỗi chú mày nhiều lắm. Quay lại với ta nhé. Ta hứa sẽ giữ gìn và coi trọng tình bạn. - HS trả lời:+ Ta cần nói lời xin lỗi khi mắc phải lỗi lầm hoặc sai phạm cần phải sửa chữa.+ Khi nói lời xin lỗi, cần chú ý: Giọng nói thể hiện được sự ân hận, hối lỗi, khoanh tay nhận lỗi.  |
| **Bài 5b:** - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS: Để đóng vai nói và đáp lời phù hợp với tình huống, HS trả lời câu hỏi:+ Cậu bé muốn xin bố mẹ điều gì?+ Bố mẹ có đồng ý với đề nghị của cậu bé không? Theo em vì sao?+ Cậu bé sẽ nói gì khi bố mẹ từ chối đề nghị của mình?- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhậ xét, khen ngợi nhóm nói và đáp lời đề nghị, lời từ chối hay, phù hợp, sáng tạo.  | - HS nêu yêu cầu.Em xin nuôi một chú chó nhỏ nhưng bố mẹ từ chối. Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời phù hợp với tình huống.- HS lắng nghe, thực hiện: + Cậu bé muốn xin bố mẹ xin nuôi một chú chó nhỏ.+ Bố mẹ không đồng ý với lời đề nghị của cậu bé vì: lông của chú chó sẽ làm cậu bé bị ho/nhà mình trật không có không gian cho chú chó chơi đùa,...+ Khi bố mẹ từ chối đề nghị của mình cậu bé sẽ vâng lời, nói lời đồng ý với ý kiến của bố mẹ. - **Cá nhân**: HS chọn vai phù hợp.**- Nhóm 4:** HS phân vai: vai bố, mẹ và cậu bé để nói và đáp lời đề nghị, lời từ chối. \* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\*Dự kiến:** - Con: Bố mẹ ơi, cho con nuôi một chú chó nhỏ trong nhà được không?- Bố mẹ: Con còn bé, lông của chú chó sẽ làm con bị ho đấy. Lớn hơn một chút, bố mẹ sẽ cho con nuôi.Con: Vâng ạ, bố mẹ hứa rồi nhé.- HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 4: Vận dụng, trải nghiệm** - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì? - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới - Nhận xét tiết học. | **\* Cá nhân :** Trả lời câu hỏi của GV.**\* Toàn lớp:** Tự nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành kiến thức.- HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 99 + 100 - Giới thiệu đồ vật quen thuộc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Hoạt động 1: Khởi động** -Cho hs vận động theo nhạc- Giáo viên nhận xét, tuyên dương.- GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**- Lớp hát.- Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành****Bài 6a: Phân tích mẫu** - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS: quan sát tranh, đọc kĩ đoạn văn và tìm câu trả lời. - Yêu cầu HS suy nghĩ câu trả lời.- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.+ Đoạn văn giới thiệu đồ vật gì?+ Bạn nhỏ giới thiệu những bộ phận nào của đồ vật đó?+ Đồ vật đó có ích gì đối với bạn nhỏ? - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu.  Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.- HS đọc đoạn văn.- **Cá nhân**: HS đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.- **Nhóm 4**: Chia sẻ cho nhau nghe.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\* Dự kiến:**+ Đoạn văn giới thiệu về chiếc đồng hồ đeo tay.+ Bạn nhỏ giới thiệu những bộ phận của chiếc đồng hồ: mặt đồng hồ; kim chỉ giờ, phút, giây; nút vặn. + Đồng hồ giúp bạn nhỏ đi học đúng giờ. -HS lắng nghe.  |
| **Bài 6b: Giới thiệu đồ vật**- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa chiếc đèn- GV hướng dẫn HS: + HS đọc gợi ý câu hỏi trong phần bài tập và trả lời để viết được 3-4 câu giới thiệu về đồ vật. + Ngoài những gợi ý trong SHS, em có thể miêu tả thêm về màu sắc của chiếc đèn học,...- GV yêu cầu HS viết 3-4 câu giới thiệu về chiếc đèn vào vở bài tập.- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, khen ngợi HS viết hay, sáng tạo.  | - HS nêu yêu cầu.Viết 3 đến 4 câu giới thiệu chiếc đèn bàn dựa vào hình vẽ và gợi ý.HS quan sát tranh.- HS lắng nghe.- **Cá nhân**: HS viết 3-4 câu giới thiệu về chiếc đèn vào vở bài tập.- **Nhóm 2**: Chia sẻ cho nhau nghe.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\* Dự kiến:** Chiếc đèn bàn học của em có màu hồng. Chiếc đèn của em có phần thân đèn, chân đèn, bóng đèn. Phần chân đèn có in hình chú thỏ hồng rất xinh. Phần thân đèn có thể điều chỉnh cao thấp theo ý muốn. Bóng đèn tỏa ra ánh sáng màu vàng nhẹ dễ chịu và tốt cho mắt mỗi khi em ngồi học bài. Em rất yêu chiếc đèn bàn học của em.- HS lắng nghe. |
|  **Hoạt động 4: Vận dụng, trải nghiệm****Bài tập 1a:** **Chia sẻ một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật**- GV mời 1HS đọc yêu cầu Bài tập 1a.- GV hướng dẫn HS tìm đọc một số bài văn về gia đình trong tủ sách gia đình hoặc ở hiệu sách của địa phương, thư viện nhà trường.- GV giới thiệu một số truyện hay về đồ vật, con vật: Con cóc là cậu ông trời, Sự tích con ve sầu, Người đi săn và con vượn, Cái trống trường em, Cuốn sách của em,...- GV yêu cầu HS chia sẻ về với các bạn một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật (tên truyện, tên tác giả, tên đồ vật hoặc tên con vật, hoạt động, đặc điểm của đồ vật hoặc con vật đó). - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, khen ngợi HS tìm được nhiều truyện.  | - HS nêu yêu cầu.Chia sẻ về truyện đã đọc.- HS lắng nghe.- **Cá nhân**: HS chia sẻ về với các bạn một truyện đã đọc về đồ vật hoặc con vật (tên truyện, tên tác giả, tên đồ vật hoặc tên con vật, hoạt động, đặc điểm của đồ vật hoặc con vật đó). \* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\* Dự kiến: Truyện Dê và Cáo:**- HS lắng nghe. |
| **\*Bài tập 1b :Viết phiếu đọc sách**- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS: HS cần nhớ tên đồ vật hoặc con vật em thích, hoạt động, đặc điểm. một cách chính xác trong câu chuyện để điền vào vở bài tập.- GV yêu cầu HS viết Phiếu đọc sách vào vở bài tập: tên đồ vật hoặc con vật em thích, hoạt động, đặc điểm. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, đánh giá, sửa bài cho HS (nếu chưa đúng). | - HS nêu yêu cầu.Viết phiếu đọc sách- HS lắng nghe.- **Cá nhân**: HS viết Phiếu đọc sách vào vở bài tập: tên đồ vật hoặc con vật em thích, hoạt động, đặc điểm. - **Nhóm 2**: Chia sẻ cho nhau nghe.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\* Dự kiến:** - Tên truyện: “Dê và Cáo”-   Con vật: Dê, Cáo- Hoạt động:+ Cáo lẻn vào hang của sư tử ăn tất cả thức ăn+ Cáo té xuống giếng+ Dê ngốc nhảy xuống giếng+ Cáo dựa vào mấy cái sừng dài của để leo lên khỏi giếng- Đặc điểm:+ Con Cáo ranh mãnh+ Dê ngốc nghếch khi tin lời con con Cáo ranh mãnh+ Bài học: Trong cuộc sống nhất định không được tin tưởng ai đó một cách mù quáng.- HS lắng nghe. |
| **2 Chia sẻ cách em giữ gìn đồ vật trong nhà** - GV mời 1HS đọc yêu cầu câu hỏi.- GV hướng dẫn HS: HS chia sẻ cách em giữ gìn đồ vật trong nhà theo gợi ý:+ Đó là đồ vật gì?+ Cách em giữ gìn đồ vật đó: .) Đồ vật là đồ dùng trong gia đình: lau chùi, cất giữ cẩn thận tránh rơi vỡ, .) Đồ vật là đồ chơi: trang trí cho đồ vật thêm mới và đặc biệt, cất gọn gàng sau khi chơi xong,...- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài trước lớp.- GV nhận xét, khen ngợi HS nói đúng và nói được nhiều cách giữ gìn đồ vật trong nhà.- Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới - Nhận xét tiết học | - HS nêu yêu cầu. Chia sẻ cách em giữ gìn đồ vật trong nhà.- HS lắng nghe.\* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét bổ sung, đánh giá.**\* Dự kiến:** Cách em giữ gìn đồ vật trong nhà: + Cất đi khi sử dụng xong+  Không va chạm mạnh vào đồ vật + Dùng khăn lau sạch bề mặt đồ vật khi bị bẩn- HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***